ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3244 /QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 28 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 12/11/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc giao đất cho Công ty Cổ phần tập đoàn Danko để thực hiện Dự án Khu nhà ở Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên tại phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên (đợt 6);

Căn cứ Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 26/3/2026 của Ủy ban nhân dân phường Linh Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Cao Ngạn - Chùa Hang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 12587/TTr-SNNMT ngày 09/10/2026 về việc đề nghị điều chỉnh Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc giao đất cho Công ty Cổ phần tập đoàn Danko để thực hiện Dự án khu nhà ở Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên tại phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên (đợt 6), cụ thể như sau:

- Điều chỉnh diện tích 4.946,3 m^2 đất ở đô thị tại điểm a khoản 1 Điều 1 thành 4.879,1 m^2.

- Điều chỉnh diện tích 22.401,3 m^2 đất nhà ở xã hội tại điểm b khoản 1 Điều 1 thành 22.461,4 m^2.

- Điều chỉnh diện tích 4.389,33 m^2 đất, gồm: đất công cộng, đất cây xanh, mặt nước, đất giao thông, đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật tại điểm b khoản 1 Điều 1 thành 4.396,43 m^2.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Vị trí khu đất điều chỉnh được xác định theo Bản đồ địa chính (trích lục - chỉnh lý) tờ bản đồ số 96, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên tỷ lệ 1:500, do Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường lập ngày 18/9/2026, được Sở Nông nghiệp và Môi trường xác nhận ngày 18/9/2026.

Điều 2. Các nội dung khác còn lại tại Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên không điều chỉnh tại quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện:

- Tổ chức việc xác định giá đất để tính tiền sử dụng đất phải nộp bổ sung *(nếu có)* đối với Công ty Cổ phần tập đoàn Danko.

- Chuyển thông tin địa chính, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

- Bàn giao đất trên thực địa theo quy định.

2. Thuế tỉnh Thái Nguyên chủ trì thực hiện:

- Xác định tiền sử dụng đất phải nộp bổ sung *(nếu có)* đối với Công ty Cổ phần tập đoàn Danko theo quy định.

- Thông báo và thu tiền sử dụng đất, phí và lệ phí theo quy định đối với Công ty Cổ phần tập đoàn Danko; xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường và người sử dụng đất.

3. Công ty Cổ phần tập đoàn Danko có trách nhiệm nộp bổ sung tiền sử dụng đất *(nếu có)* theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân phường Linh Sơn có trách nhiệm đôn đốc Nhà đầu tư thực hiện dự án đảm bảo tiến độ, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về đất đai, khoáng sản, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trưởng Thuế tỉnh Thái Nguyên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Linh Sơn, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn Danko và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Thông tin và Dịch vụ sự nghiệp tỉnh) chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- TT. Thông tin và Dịch vụ sự nghiệp tỉnh;
- TT. Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, KT, CNN&XD.

Anhd. T10/2026 (MC)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Nguyễn Thị Loan

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 3244 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên								**Nội dung điều chỉnh**							
STT	**Số tờ bản đồ địa chính**	**Diện tích đất** *(m^2)*						**STT**	**Số tờ bản đồ địa chính**	**Diện tích đất** *(m^2)*					
		Đất ở	**Đất nhà ở xã hội**	**Đất hạ tầng kỹ thuật**	**Đất công cộng** *(nhà văn hóa)*	**Đất cây xanh mặt nước**	**Đất giao thông**			**Đất ở**	**Đất nhà ở xã hội**	**Đất hạ tầng kỹ thuật**	**Đất công cộng** *(nhà văn hóa)*	**Đất cây xanh mặt nước**	**Đất giao thông**
1	96	786,8	1.654,3	351,8	704,43		649,7	1	96	786,8	1.654,3	351,8	704,43		656,8
2	96	548,2	2.541,2	170,3			0,6	2	96	548,2	2.601,3	170,3			0,6
3	96	543,8	4.467,3				0,8	3	96	476,6	4.467,3				0,8
…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…
Tổng cộng		**4.946,3**	**22.401,3**	**579,8**	**704,43**	**502,0**	**2.603,1**	**Tổng cộng**		**4.879,1**	**22.461,4**	**579,8**	**704,43**	**502,0**	**2.610,2**
				4.389,33								**4.396,43**			
		31.736,93								**31.736,93**					